

QUYẾT ĐỊNH
Công khai tình hình quản lý sử dụng tài sản công năm 2025

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, cụ thể:

- Công khai tình hình mua sắm tài sản
- Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp năm 2025.
- Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác năm 2025.
- Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị.

(Có biểu mẫu 09a, 09b, 09c-CK/STC kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Hành chính, Tổng hợp; các phòng, trạm KDTV nội địa, trạm khu vực, cán bộ công chức, viên chức thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Quy*

Nơi nhận:

- Sở NN&MT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các Phòng, Trạm;
- Lưu VT, TH (D05b).

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hắc Hiến



Mẫu số 09a-CK/TSC

Bộ, tỉnh: Đắk Lắk
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Nông nghiệp và Môi trường Đắk Lắk
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Chi cục Trồng trọt và BVTV
Mã đơn vị: 1077084
Loại hình đơn vị: Quản lý nhà nước

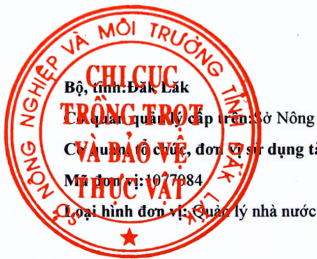
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm												
1	Trụ sở làm việc/ cơ sở hoạt động sự nghiệp												
	Sửa chữa nhà làm việc 02 tầng Văn phòng chi cục.	Cái	1			2025	858.364.000	Chỉ định thầu	Công ty TNHH xây dựng Lê Tuấn	0	0	0	
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												
	Mua sắm Máy tính xách tay Asus P1403CVA-i508-50W	Bộ	10	Asus	China	2025	135.000.000	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T&T Tây Nguyên	0	0	0	
II	Tài sản giao mới												
III	Tài sản đi thuê												

IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)												
	...												

Ghi chú:

- Thời điểm được xác định là đã hoàn thành việc mua sắm tài sản là thời điểm hoàn thành việc chuyển giao tài sản, thanh toán và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản.
- Cột số 9: Ghi rõ hình thức mua sắm/thuê: Đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp.



Mẫu số 09b-
CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kê toán (Nghìn đồng)	Trụ sở làm việc	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)				Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kê toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m ²))								
					Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	I. Văn phòng Chi cục	1.089	29.472.300	1089						1993	280	1.532.304		280							
	1- Nhà làm việc số 1										374	1.505.004		374							
	2 - Nhà làm việc 2, Gara ô tô, Kho lưu trữ										24	27.000		24							
	3- Cửa hàng giới thiệu sản phẩm										12	55.758		12							
	4- Nhà bảo vệ																				
2	II. Khu Thực nghiệm TT và BVTV	11.334	1.036.083	211						2011	211	2.189.000		211							
	Trại thực nghiệm TT & BVTV										514.568										
	Hội trường Trại TN										742.060										
	Nhà vệ sinh, Tường rào trại, đường đi trước Trại TN										202.176										
	Giếng khoan																				
3	Trạm Trồng trọt và BVTV M'Drak	1.089	1.010.610							2018											Nhận điều chuyển từ BQLDA rừng phòng hộ Núi vọng phu
	Nhà làm việc										175	1.331.216		175							
	Nhà kho										149,4	308.843		149,4							
	Chuồng chó NV										18,5	57.435		18,5							
	Giếng khoan											61.374									
4	Trạm Trồng trọt và BVTV Cư M'Gar	99,8	998.000	99,8						1996	99,8			99,8							
5	Văn phòng Chi cục TT và BVTV cơ sở 2	620	5.456.000	620						1998											
	Nhà làm việc Chi cục Trồng trọt và BVTV (nhà trước)										262,05	440.810		262,05							
	Nhà làm việc Chi cục Trồng trọt và BVTV (nhà sau)										265	392.317		265							
	Nhà giám định dịch hại cây trồng (nhà giữa)										254,19	1.357.918		254,19							
6	Trạm Trồng trọt và BVTV khu vực Sông Hinh																				Sáp nhập từ Đồng Đắk Lắk
	Nhà làm việc trạm Trồng trọt và BVTV khu vực Sông Hinh	495	1.237.500	495						1999	138,03	172.293		138,03							
7	Trạm Trồng trọt và BVTV khu vực Phú Hòa 1																				
	Nhà làm việc trạm Trồng trọt và BVTV khu vực Phú Hòa 1	968,5	1.307.475	968,5						2005	146,4	806.357		146,4							
8	Trạm Trồng trọt và BVTV khu vực Tuy An Bắc																				
	Nhà làm việc trạm Trồng trọt và BVTV khu vực Tuy An Bắc	405,1	688.670	405,1						2001	142,84	182.594		142,84							
Ghi chú:																					

- Công khai về nhà: Trường hợp có thể tách biệt được phần diện tích sử dụng của từng mục đích thì ghi tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng; nếu không tách được thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.
- Nếu tại đơn vị phát sinh việc “sử dụng khác” diện tích nhà, đất thì ghi rõ hiện trạng sử dụng khác (bị lấn chiếm, bỏ trống...).



Mẫu số 09c-CK/TSC

BỘ TRƯỞNG
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Nông nghiệp và Môi trường Đắk Lắk
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Chi cục Trồng trọt và BVTV
Mã đơn vị: 1077084
Loại hình đơn vị: Quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô													
1	1- Xe ô tô 07 chỗ. Nissan 47A 003.62	Vp chi cục	01	1.212.799		1.212.799	0			Xe phòng chống dịch, phục vụ công tác chung				
2	1- Xe ô tô 78B 0630 Mitsubishi 08 chỗ ngồi	Vp chi cục	01	359.980	359.980		0							
II	Tài sản cố định khác													
1	Máy vi tính để bàn	Chi cục Trồng trọt và BVTV	50	640.990	640.990		133.900		50					
2	Máy vi tính xách tay	Chi cục Trồng trọt và BVTV	40	511.480	511.480		156.810		40					

Ghi chú:

- Cột 2: Phần I Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).
- Trường hợp có "sử dụng khác" thì ghi rõ hiện trạng đang sử dụng.



Mẫu số 09d-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Nông nghiệp và Môi trường Đắk Lắk
Cơ quan tổ chức đơn vị sử dụng tài sản: Chi cục Trồng trọt và BVTV
Ma đơn vị: 1077084
Loại hình đơn vị: Quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2025

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
1	Đất trụ sở Trạm Trồng trọt và BVTV Tp Tuy Hòa	1.081.200		1.081.200	Điều chuyển											
2	Đất trụ sở Trạm Trồng trọt và BVTV TX Đồng Hòa	359.375		359.375	Điều chuyển											
3	Đất trụ sở Trạm Trồng trọt và BVTV H Đồng Xuân	746.550		746.550	Điều chuyển											
4	Đất trụ sở Trạm Trồng trọt và BVTV TX Sông cầu	382.500		382.500	Điều chuyển											
5	Đất trụ sở Trạm Trồng trọt và BVTV TX Cư Kuin	873.510		873.510	Điều chuyển											
II	Nhà															
1	Nhà làm việc Trạm Trồng trọt và BVTV Tp Tuy Hòa	92.863		0	Điều chuyển											
2	Nhà làm việc Trạm Trồng trọt và BVTV H Đồng Xuân	182.491		0	Điều chuyển											
3	Nhà làm việc Trạm Trồng trọt và BVTV TX Sông Cầu	15.510		0	Điều chuyển											
4	Nhà làm việc Trạm Trồng trọt và BVTV TX Đồng Hòa	172.416		0	Điều chuyển											
5	Nhà làm việc, tường rào Trạm Trồng trọt và BVTV TX Cư Kuin	1.057.089		786.570	Điều chuyển											
III	Xe ô tô															
1	Xe 1															
2	Xe...															
IV	Tài sản cố định khác															
																

Ghi chú:

- Cột 2: Phần III Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).
- Cột 12: Ghi rõ đã thực hiện hay chưa, trường hợp đã bán thì ghi rõ hình thức bán (đấu giá, niêm yết, chỉ định), trường hợp đã thanh lý thì ghi rõ hình thức thanh lý (phá dỡ, hủy bỏ, bán đấu giá, bán niên